ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2058 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 02 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất tấm gỗ ghép quy mô 18.000 m^3/năm" do Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh làm Chủ đầu tư tại Khu công nghiệp Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất tấm gỗ ghép quy mô 18.000 m^3/năm" họp ngày 05/01/2022 tại Hội trường Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất tấm gỗ ghép quy mô 18.000 m^3/năm" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 201022/CV-PHUCTHINH ngày 20/10/2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 48/TTr-BQL ngày 28/10/2022 về việc phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất tấm gỗ ghép quy mô 18.000 m^3/năm" do Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh làm Chủ đầu tư tại Khu công nghiệp Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất tấm gỗ ghép quy mô 18.000 m^3/năm" (sau đây gọi là Dự án) do Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh làm Chủ đầu tư tại Khu công nghiệp Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này thay thế Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Mở rộng và nâng công suất nhà máy chế biến gỗ quy mô từ 1.000 m^3 lên 15.000 m^3 gỗ sơ chế/năm" do Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh làm Chủ đầu tư và Công văn số 1958/UBND-KTN ngày 24/6/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thay đổi nội dung công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBND xã Tân Thành;
- Trung tâm KTHT KCN;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT (NN-14KKT31/10).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án: "Nhà máy sản xuất tấm gỗ ghép quy mô 18.000 m^3/năm" do Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh làm Chủ đầu tư tại Khu công nghiệp Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Quyết định số: 2058 /QĐ-UBND ngày 02 / 11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất tấm gỗ ghép quy mô 18.000 m^3/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Khu công nghiệp Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Phúc Thịnh.

Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Nhà máy sản xuất tấm gỗ ghép quy mô 18.000 m^3/năm được thực hiện trên diện tích mặt đất 30.006 m^2 tại Khu công nghiệp Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính và phụ trợ: Nhà xưởng 1; nhà xưởng 2; nhà văn phòng; nhà ăn; nhà bảo vệ; trạm cân; hồ PCCC; nhà xe; nhà vệ sinh.

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại; hệ thống xử lý bụi gỗ; hệ thống xử lý nước thải; khu vực chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại (trong khu vực nhà xưởng 1); kho chứa chất thải nguy hại (trong khu vực nhà xưởng 1).

- Đường giao thông nội bộ, sân.

- Cây xanh.

- Các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm giường, tủ, bàn, ghế:

Gỗ thanh → Cắt phôi → Bào → Kiểm tra → Ghép thanh → Ghép tấm → Chà nhám → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị: Gồm: Bụi đào hố móng, san nền; bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, tháo dỡ và máy móc thiết bị; khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt thiết bị; nước mưa chảy tràn;

nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn từ quá trình xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt thiết bị; chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm: Bụi và khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi gỗ từ quá trình sản xuất tấm gỗ ghép; nước thải sinh hoạt; nước thải từ hoạt động nấu ăn; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp thông thường; chất thải nguy hại;...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 2,3 m^3/ngày, thành phần chủ yếu gồm: BOD_5 (20°C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliforms...

- *Nước thải xây dựng:* Gồm nước rửa máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ thi công... với lưu lượng phát sinh khoảng 3 - 5 m^3/ngày. Thành phần chính trong nước thải xây dựng chứa chủ yếu là bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 8,2 m^3/ngày, thành phần: BOD_5 (20°C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng nitơ, tổng photpho, tổng coliforms...

- *Nước thải từ hoạt động nấu ăn:* Phát sinh khoảng 4,6 m^3/ngày, thành phần chủ yếu gồm: BOD_5 (20°C), COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng coliforms...

- *Nước thải sản xuất:* Phát sinh khoảng 0,5 m^3/ngày, thành phần chủ yếu gồm: Độ màu, COD, dầu mỡ, các chất hữu cơ và chất rắn lơ lửng (SS),...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi từ quá trình đào hố móng, san nền:* Phát sinh chủ yếu là bụi thô, có kích thước lớn.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, tháo dỡ và máy móc, thiết bị:* Chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, VOC.

- *Khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt thiết bị:* Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là khói hàn (chứa bụi, hơi kim loại...)...

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy:* Thành phần khí thải bao gồm: Bụi, NO_x, CO, THC...

- *Bụi gỗ từ từ quá trình sản xuất tấm gỗ ghép:* Thành phần khí thải chủ yếu là bụi.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị: Phát sinh khoảng 3,1 tấn trong suốt quá trình thi công xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị, chủ yếu là: Đất, đá, bao xi măng, xà bần, sắt thép vụn, nylon, thùng carton, pallet gỗ đóng gói khi chuyên chở máy móc thiết bị thải ra...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 26 kg/ngày, thành phần gồm: Rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng phát sinh như sau:

Phát sinh khoảng 60 kg/năm, gồm: Pallet thải; giấy văn phòng; tro, xỉ thải; bao bì thải…

Khoảng 1.658,44 tấn/năm, gồm: Gỗ thừa, dăm bào, phoi bào, bụi gỗ… (trường hợp kết quả phân định là chất thải rắn công nghiệp thông thường).

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 95,2 kg/ngày, gồm: Bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

Khối lượng phát sinh khoảng 9,7 kg/tháng, gồm: Giẻ lau dính dầu nhớt; bao bì mềm thải; bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn, thùng chứa phụ gia); que hàn thải…

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại: Khối lượng phát sinh như sau:

Khoảng 5.103,2 kg/năm, gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau, bao tay nhiễm các thành phần nguy hại; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì mềm thải; bao bì cứng thải bằng kim loại; keo thải; pin, ắc quy thải; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải…

Khoảng 1.658,44 tấn/năm, gồm: Gỗ thừa, dăm bào, phoi bào, bụi gỗ,… (trường hợp kết quả phân định là chất thải nguy hại).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động nấu ăn:

+ Trước khi hệ thống xử lý nước thải mới (công suất 18 m^3/ngày đêm) đi vào hoạt động: Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý nước thải hiện hữu, công suất 20 m^3/ngày đêm để xử lý nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) và nước thải từ hoạt động nấu ăn với quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài I.

+ Sau khi hệ thống xử lý nước thải mới (công suất 18 m^3/ngày đêm) đi vào hoạt động: Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động nấu ăn được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 18 m^3/ngày đêm để xử lý với quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) và nước thải từ hoạt động nấu ăn → Bể gom → Bể điều hòa → Bồn điều lưu → Bể Anoxic → Bể Aerotank 1, 2 → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài I.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Bố trí hệ thống mương thu gom nước thải tạm thời xung quanh khu vực xây dựng; bố trí hố thu gom và lắng nước thải xây dựng; không để rơi vãi nhiên liệu, dầu nhớt, hóa chất và phụ gia xây dựng ra ngoài môi trường; tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động nấu ăn đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (kq = 0,9; kf = 1,2) trước khi đấu nối về hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài I. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không thải bỏ ra môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án (nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động nấu ăn và nước thải sản xuất) được thu gom và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải, công suất 18 m^3/ngày đêm để xử lý với quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) và nước thải từ hoạt động nấu ăn → Bể gom nước thải sinh hoạt **(1)**.

Nước thải sản xuất (nước thải vệ sinh máy móc thiết bị) → Bể gom nước thải sản xuất → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng hóa lý **(2)**.

(1) + **(2)** → Bể điều hòa → Bồn điều lưu → Bể Anoxic → Bể Aerotank 1, 2 → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài I.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (kq = 0,9; kf = 1,2) trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài I. Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I đi vào hoạt động, thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Đồng Xoài I (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi đấu nối vào hệ

thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I (Dự án không thay đổi công nghệ xử lý nước thải).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi từ quá trình đào hố móng, san nền:* Che chắn khu vực xây dựng; áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến; tưới nước giảm thiểu bụi; trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng…

- *Biện pháp khống chế ô nhiễm không khí do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, tháo dỡ và máy móc thiết bị:* Tất cả các phương tiện vận chuyển phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; bố trí tuyến đường vận chuyển hợp lý; thường xuyên kiểm tra, bảo trì các phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị…

- *Biện pháp giảm thiểu khí thải từ quá trình sơn, hàn công trình xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc thiết bị:* Công nhân được tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như quần áo bảo hộ, khẩu trang, kính, mũ, găng tay….

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy*: Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân…

- *Biện pháp giảm thiểu bụi gỗ từ khu vực bào:* Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi gỗ từ khu vực bào (hệ thống xử lý bụi số 1) với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Bụi gỗ → Hệ thống ống hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi gỗ từ khu vực cắt phôi, máy ghép thanh (gần khu vực cắt phôi)*: Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi gỗ (hệ thống xử lý bụi gỗ số 2) với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Bụi gỗ → Hệ thống ống hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Ống thoát.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi gỗ từ khu vực máy ghép thanh (gần khu vực máy bào 4 mặt, máy ghép cảo quay), máy bào 4 mặt, máy ghép cảo quay*: Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi gỗ (hệ thống xử lý bụi gỗ số 3) với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Bụi gỗ → Hệ thống ống hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết

bị lọc bụi túi vải (giũ bụi bằng khí nén). Bụi sau thu gom tại phễu thu bụi của cyclone và thiết bị lọc bụi túi vải sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý bụi gỗ số 5 để tiếp tục xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi gỗ từ khu vực chà nhám*: Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi gỗ từ khu vực chà nhám (hệ thống xử lý bụi gỗ số 4) với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Bụi gỗ → Hệ thống ống hút → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải (giũ bụi bằng khí nén). Bụi sau thu gom tại phễu thu bụi của cyclone và thiết bị lọc bụi túi vải sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý bụi gỗ số 5 để tiếp tục xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu bụi gỗ (thu gom tại phễu thu bụi của cyclone và thiết bị lọc bụi túi vải) của hệ thống xử lý bụi gỗ số 3, hệ thống xử lý bụi gỗ số 4*: Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi gỗ (hệ thống xử lý bụi gỗ số 5) với quy trình công nghệ bao gồm các hạng mục chính: Bụi gỗ → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút → Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải (giũ bụi bằng khí nén).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (với kp = 0,9; kv =1,0). Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc thiết bị:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn trong giai đoạn xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc thiết bị lưu chứa vào khu vực chứa chất thải rắn thông thường hiện hữu với diện tích 100 m^2. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Sử dụng các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu bằng nhựa, có nắp đậy với dung tích từ 90 L - 240 L bố trí xung quanh nhà xưởng, nhà văn phòng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Sử dụng các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu bằng nhựa, có nắp đậy với dung tích từ 90 L - 240 L bố trí xung quanh nhà xưởng, nhà văn phòng để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom, phân loại toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường và lưu giữ tạm thời vào khu vực chứa chất thải rắn thông thường hiện hữu với diện tích 100 m^2 và thực hiện quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải nguy hại:* Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt thiết bị được lưu chứa trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng và đặt trong kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu với diện tích 30 m^2 có nền bê tông, mái che, tường bao quanh, có gờ, rãnh, có đầy đủ các phương tiện PCCC và có dán nhãn chất thải nguy hại... theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải nguy hại:* Phân loại, lưu giữ chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt kho chứa chất thải nguy hại hiện hữu với diện tích là 30 m^2 có nền bê tông, mái che, tường bao quanh, có gờ, rãnh, có đầy đủ các phương tiện PCCC và có dán nhãn chất thải nguy hại... theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc, thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; không thi công vào các

giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao; các thiết bị thi công phải có chân đế để hạn chế độ rung; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Bố trí hệ thống thông gió và quạt hút tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí tự nhiên giữa khu vực xưởng và bên ngoài nhà máy; thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị; trồng, duy trì, chăm sóc cây xanh để điều hòa vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu vực Dự án...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; trồng, chăm sóc cây xanh xung quanh nhà máy để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, trong đó bố trí quả cầu thông gió hoặc quạt hút tạo điều kiện cho quá trình trao đổi khí tự nhiên giữa khu vực xưởng và bên ngoài nhà máy; thiết kế mái nhà xưởng có lớp cách nhiệt, chống nóng tốt; trồng, duy trì, chăm sóc cây xanh để điều hòa vi khí hậu và tạo cảnh quan cho khu vực dự án...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Áp dụng đầy đủ các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng phó sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.

- Bể tự hoại 3 ngăn: 05 bể tự hoại, có tổng dung tích là 33,5 m^3.

- Hệ thống xử lý bụi gỗ số 1 (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế quạt hút: 50.000 m^3/giờ).

- Hệ thống xử lý bụi gỗ số 2 (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế quạt hút: 50.000 m^3/giờ).

- Hệ thống xử lý bụi gỗ số 3 (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế quạt hút: 40.000 m^3/giờ).

- Hệ thống xử lý bụi gỗ số 4 (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế quạt hút: 40.000 m^3/giờ).

- Hệ thống xử lý bụi gỗ số 5 (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế quạt hút: 19.000 m^3/giờ).

- Hệ thống xử lý nước thải (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 18 m^3/ngày đêm).

- Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 100 m^2.

- Kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 30 m^2.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị:

5.1.1. Giám sát không khí:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại khu vực xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt máy móc, thiết bị.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO_2, CO, SO_2.

- *Tần suất giám sát:* 1 lần trong suốt quá trình xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt thiết bị.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định hiện hành và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.1.2. Giám sát nước thải sinh hoạt:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Đồng Xoài I.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD_5, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ, amoni, coliforms.

- *Tần suất giám sát:* 1 lần trong suốt quá trình thi công xây dựng, tháo dỡ và lắp đặt thiết bị.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (kq = 0,9; kf = 1,2).

5.1.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng và chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định của pháp luật hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Chủ dự án có trách nhiệm vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật.

5.3. Giai đoạn giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát*: 07 vị trí, gồm: Khu vực cắt phôi; khu vực cắt bào; khu vực ghép; khu vực chà nhám; khu vực đặt thiết bị lọc bụi túi vải của hệ thống xử lý bụi gỗ số 3; khu vực đặt thiết bị lọc bụi túi vải của hệ thống xử lý bụi gỗ số 4; khu vực đặt thiết bị lọc bụi túi vải của hệ thống xử lý bụi gỗ số 5.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí giám sát*: 02 vị trí, gồm: 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi gỗ số 1; 01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi gỗ số 2.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (với kp = 0,9; kv = 1,0).

5.3.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 02 vị trí, gồm: 01 vị trí tại đầu vào của hệ thống nước thải; 01 vị trí tại hố ga đấu nối nước thải với KCN Đồng Xoài I.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, Độ màu, TSS, COD, BOD5, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ, amoni, coliforms.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A (kq = 0,9; kf = 1,2). Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài I đi vào hoạt động và Chủ dự án đã đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung: So sánh với QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng và chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu công nghiệp.

6.2. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.3. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.5. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.7. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.8. Thực hiện các thủ tục về môi trường và nội dung bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.